

Số: 1156/BCB-TTYT

Đà Bắc, ngày 17 tháng 10 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu
là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Phú Thọ

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: **TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC ĐÀ BẮC**

Số giấy phép hoạt động: 00825/PT-GPHĐ

Cơ quan cấp: Sở Y tế tỉnh Phú Thọ, ngày 15 tháng 10 năm 2025

Địa chỉ: Tiểu khu Bờ, xã Đà Bắc, tỉnh Phú Thọ

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sĩ chuyên khoa II Đặng Ngọc Anh

Điện thoại liên hệ: 02183.828.210

Email (nếu có):

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, y sỹ. Cụ thể:

1.1. Bác sĩ: Bác sĩ Y khoa, Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ Y học dự phòng, Bác sĩ Răng hàm mặt. Bác sĩ chuyên khoa I: Ngoại.

1.2. Y sỹ: Y sỹ đa khoa, Y sỹ y học cổ truyền

1.3. Điều dưỡng

1.4. Hộ sinh

1.5. Kỹ thuật y: Xét nghiệm y học, hình ảnh y học

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: (Phụ lục 01 đính kèm)

3. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 40 người.

4. Chi phí hướng dẫn thực hành:

- Không thu phí đối với học viên đang công tác tại TTYT khu vực Đà Bắc.

- 500.000đ/người/tháng đối với học viên đang công tác ở các cơ quan công lập nhà nước.

- 1.000.000đ/người/tháng đối với học viên không công tác ở các cơ quan công lập nhà nước.

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Bản công bố này thay thế cho bản công bố số 299/TTYT-TCHC&TCKT ngày 13/03/2025 của Trung tâm Y tế huyện Đà Bắc.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, TCHC;

GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Tuyết

**NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH
ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
TẠI TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC ĐÀ BẮC**

*(Kèm theo Bản công bố số: 1156/BCB-TTĐT ngày 17/10/2025
của Trung tâm Y tế khu vực Đà Bắc)*

I. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN TỔ CHỨC THỰC HÀNH

1. Đối tượng: Đối tượng hướng dẫn thực hành KBCB theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và phân công cụ thể, chi tiết các đối tượng như tại Điều 11 Thông tư 32/2023/TT-BYT, cụ thể như sau:

1.1. Bác sĩ: Bác sĩ Y khoa, Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ Y học dự phòng, Bác sĩ Răng hàm mặt. Bác sĩ chuyên khoa I: Ngoại.

1.2. Y sĩ: Y sĩ đa khoa, Y sĩ y học cổ truyền

1.3. Điều dưỡng

1.4. Hộ sinh

1.5. Kỹ thuật y: Xét nghiệm y học, hình ảnh y học

2. Thời gian tổ chức thực hành: Căn cứ theo quy định tại Điều 3 Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

3. Thời gian tổ chức thực hành

A. Thời gian và nội dung thực hành đối với Bác sĩ y khoa

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng được phân bổ theo từng chuyên khoa như sau:

STT	Chuyên khoa hướng dẫn thực hành	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành	Ghi chú
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa HSCC-HSTC và chống độc, phẫu thuật - GMHS	03 tháng	
2	Ngoại khoa	Khoa Ngoại	02 tháng	
3	Sản phụ khoa	Khoa CSSKSS & PS	02 tháng	
4	Nhi khoa	Khoa Nhi	02 tháng	
5	Nội khoa	Khoa Nội	02 tháng	
6	Y học cổ truyền	Khoa YHCT và PHCN	01 tháng	
	Tổng cộng		12 tháng	

B. Thời gian và nội dung thực hành đối với Bác sĩ y học dự phòng

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng được phân bổ theo từng chuyên khoa như sau:

STT	Chuyên khoa hướng dẫn thực hành	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành	Ghi chú
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa HSCC-HSTC và chống độc, phẫu thuật - GMHS	03 tháng	
2	Ngoại khoa	Khoa Ngoại	2,5 tháng	
3	Sản phụ khoa	Khoa CSSKSS & PS	02 tháng	
4	Nhi khoa	Khoa Nhi	02 tháng	
5	Nội khoa	Khoa Nội	2,5 tháng	
	Tổng cộng		12 tháng	

C. Thời gian và nội dung thực hành đối với Bác sĩ YHCT

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng được phân bổ theo từng chuyên khoa như sau:

STT	Chuyên khoa hướng dẫn thực hành	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành	Ghi chú
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa HSCC-HSTC và chống độc, phẫu thuật - GMHS	03 tháng	
2	Y học cổ truyền	Khoa YHCT & PHCN	06 tháng	
3	Nội khoa	Khoa Nội	03 tháng	
	Tổng cộng		12 tháng	

D. Thời gian và nội dung thực hành đối với Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng được phân bổ theo từng chuyên khoa như sau:

STT	Chuyên khoa hướng dẫn thực hành	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành	Ghi chú
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa HSCC-HSTC và chống độc, phẫu thuật - GMHS	03 tháng	
2	Răng-Hàm-Mặt	Khoa RHM - Mắt - TMH	09 tháng	
	Tổng cộng		12 tháng	

E. Thời gian và nội dung thực hành đối với Bác sĩ Chuyên khoa I Ngoại

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng được phân bổ theo từng chuyên khoa như sau:

STT	Chuyên khoa hướng dẫn thực hành	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành	Ghi chú
1	Ngoại	Khoa Ngoại	12 tháng	
	Tổng cộng		12 tháng	

1.2. Thời gian và nội dung thực hành đối với Điều dưỡng, Hộ sinh.

A. Thời gian và nội dung thực hành đối với Điều dưỡng

Tổng thời gian thực hành là 06 tháng được phân bổ theo từng chuyên khoa như sau:

STT	Chuyên khoa hướng dẫn thực hành	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành	Ghi chú
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa HSCC-HSTC và chống độc, phẫu thuật - GMHS	01 tháng	
2	Nhi Khoa và sơ sinh	Khoa Nhi	02 tháng	
3	Nội khoa	Khoa Nội	1,5 tháng	
4	Ngoại khoa	Khoa Ngoại	1,5 tháng	
	Tổng cộng		06 tháng	

B. Thời gian và nội dung thực hành đối với Hộ sinh

Tổng thời gian thực hành là 06 tháng được phân bổ theo từng chuyên khoa như sau:

STT	Chuyên khoa hướng dẫn thực hành	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành	Ghi chú
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa HSCC-HSTC và chống độc, phẫu thuật - GMHS	01 tháng	
2	Nhì Khoa và sơ sinh	Khoa Nhì	01 tháng	
3	Sản phụ khoa	Khoa CSSKSS & PS	04 tháng	
	Tổng cộng		06 tháng	

1.3. Thời gian và nội dung thực hành đối với Kỹ thuật viên.

A. Thời gian và nội dung thực hành đối với Kỹ thuật y xét nghiệm

Tổng thời gian thực hành là 06 tháng được phân bổ theo từng chuyên khoa như sau:

STT	Chuyên khoa hướng dẫn thực hành	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành	Ghi chú
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa HSCC-HSTC và chống độc, phẫu thuật - GMHS	01 tháng	
2	Kỹ thuật y	Khoa XN và CDHA	05 tháng	
	Tổng cộng		06 tháng	

B. Thời gian và nội dung thực hành đối với Kỹ thuật y Chẩn đoán hình ảnh:

Tổng thời gian thực hành là 06 tháng được phân bổ theo từng chuyên khoa như sau:

STT	Chuyên khoa hướng dẫn thực hành	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành	Ghi chú
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa HSCC-HSTC và chống độc, phẫu thuật - GMHS	01 tháng	
2	Kỹ thuật y	Khoa XN và CDHA	05 tháng	
	Tổng cộng		06 tháng	

1.4. Thời gian và nội dung thực hành đối với y sĩ.

A. Thời gian và nội dung thực hành đối với Y sĩ đa khoa

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 09 tháng được phân bổ theo từng chuyên khoa như sau:

STT	Chuyên khoa hướng dẫn thực hành	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành	Ghi chú
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa HSCC-HSTC và chống độc, phẫu thuật - GMHS	03 tháng	
2	Ngoại khoa	Khoa Ngoại	1.5 tháng	
3	Sản phụ khoa	Khoa CSSKSS & PS	1.5 tháng	
4	Nhi khoa	Khoa Nhi	1.5 tháng	
5	Nội khoa	Khoa Nội	1.5 tháng	
	Tổng cộng		09 tháng	

B. Thời gian và nội dung thực hành đối với Y sĩ YHCT

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 09 tháng được phân bổ theo từng chuyên khoa như sau:

STT	Chuyên khoa hướng dẫn thực hành	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành	Ghi chú
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa HSCC-HSTC và chống độc, phẫu thuật - GMHS	03 tháng	
2	Y dược học cổ truyền	Khoa YHCT & PHCN	05 tháng	
3	Nội khoa	Khoa Nội	01 tháng	
	Tổng cộng		09 tháng	

* Đối với trường hợp người đã bắt đầu thực hành từ trước ngày 01 tháng 01 năm 2024, người thực hành có thể thực hiện theo một trong các quy định sau:

a) Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 143 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP: *"Tiếp tục thực hành theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 và các văn bản hướng dẫn thi hành của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12. Kết quả thực hành được sử dụng để đề nghị cấp giấy phép hành nghề, trong đó phạm vi hành nghề thực hiện theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12;*

b) Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 143 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP: *"Thực hành theo quy định tại Nghị định này"*. Đồng thời có thể áp dụng quy định tại điểm b khoản 5 Điều 129 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP: *"Tính thời gian đã thực hành trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 để tính tổng thời gian thực hành nhưng phải đảm bảo thời gian thực hành theo quy định tại Điều 3 Nghị định này trước ngày 31 tháng 12 năm 2024"* và phải đáp ứng đầy đủ nội dung và chương trình thực hành theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

II. TỒ CHỨC THỰC HÀNH (Theo quy định tại Điều 7 Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ).

1. Tiếp nhận người thực hành:

a) Người thực hành phải có đơn đề nghị thực hành theo Mẫu 03 Phụ lục I và bản sao hợp lệ một trong các văn bằng chuyên môn quy định tại Điều 8 quy định tại Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ gửi đến cơ sở hướng dẫn thực hành nơi đăng ký thực hành.

- Nộp bản sao hợp lệ văn bằng chuyên môn phù hợp với nội dung đăng ký thực hành.

- Giấy khám sức khỏe.

- Quyết định hoặc giấy giới thiệu của cơ quan cử đi (nếu có).

b) Sau khi nhận được đơn đề nghị thực hành, người đứng đầu hoặc người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là cơ sở hướng dẫn thực hành có trách nhiệm:

- Ký hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với người thực hành theo Mẫu 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP;

- Gửi văn bản đăng ký danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP về Sơ Y tế tỉnh Phú Thọ.

- Đăng tải danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh trên trang thông tin điện tử của cơ sở và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

2. Phân công người hướng dẫn thực hành:

a) Phân công người hướng dẫn thực hành theo Mẫu 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

b) Một người hướng dẫn thực hành chỉ được hướng dẫn tối đa 05 người thực hành trong cùng một thời điểm.

3. Điều kiện đối với người hướng dẫn thực hành:

a) Có giấy phép hành nghề với chức danh, phạm vi hành nghề phù hợp với nội dung, đối tượng được hướng dẫn thực hành;

b) Có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành;

c) Có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

4. Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành và chịu trách nhiệm nếu để người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh, trừ trường hợp người thực hành cố ý vi phạm.

5. Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, cơ sở hướng dẫn thực hành có trách nhiệm:

a) Cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

b) Đăng tải danh sách người đã hoàn thành quá trình thực hành trên trang thông tin điện tử của cơ sở hướng dẫn thực hành và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

III. XÁC NHẬN HOÀN THÀNH QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

Cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản Công số: 1156/BCB-TTYT ngày 17/10/2025 của Trung tâm Y tế khu vực Đà Bắc)

STT	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Mã Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp CCHN	Nơi cấp	Phạm vi hành nghề	Ghi chú
1	Đặng Ngọc Anh	BSCKII Răng hàm mắt	000214/HB-CCHN	12/27/2012	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mắt	
2	Triệu Văn Hùng	BSCKI Ngoại	0001042/HB-CCHN; Quyết định số 1892/QĐ-SYT ngày 04/8/2017 của Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	10/29/2013	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa; Khám bệnh chữa bệnh Đa khoa	
3	Hoàng Văn Đức	Bác sĩ Đa khoa	0001043/HB-CCHN; Quyết định số 1890/QĐ-SYT ngày 04/8/2017 của Sở Y tế tỉnh Hòa Bình	10/29/2013	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Khám bệnh, chữa bệnh Nội và Gây mê hồi sức; Khám bệnh, chữa bệnh Nhi và truyền nhiễm	
4	Nguyễn Thị Thuý	BSCKI Nội	0001044/HB-CCHN; Quyết định số 1981/QĐ-SYT ngày 04/8/2017 của Sở Y tế tỉnh Hòa Bình	10/29/2013	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Khám bệnh, chữa bệnh Nội và Hồi sức cấp cứu; Khám bệnh, chữa bệnh Nhi và truyền nhiễm	
5	Nguyễn Tiến Dũng	Bác sĩ Đa khoa	0001717/HB-CCHN	8/4/2017	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
6	Đinh Mạnh Ngà	Bác sĩ Đa khoa	002702/HB-CCHN	11/22/2018	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
7	Phạm Quốc Tuấn	BSCKI Tai mũi họng	0001041/HB-CCHN; Quyết định số 1337/QĐ-SYT ngày 25/9/2015 của Sở Y tế tỉnh Hòa Bình	10/29/2013	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi và Tai mũi họng; Chẩn đoán hình ảnh (Xquang)	

8	Nguyễn Thị Toán	Bác sĩ chuyên khoa phụ sản	0001045/HB-CCHN, Quyết định số 1889/QĐ-SYT ngày 04/8/2017 của Sở Y tế tỉnh Hòa Bình	10/29/2013	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Khám bệnh, chữa bệnh Sản phụ khoa; Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa
9	Lý Thị Bình	BSCKI Sản phụ khoa	002742/HB-CCHN	3/21/2019	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
10	Lương Thị Yến	BSCKI Sản phụ khoa	002902/HB-CCHN	10/21/2020	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Khám bệnh, chữa bệnh Sản phụ khoa
11	Nguyễn Thị Hải Yến	BSCKI YHCT	002452/HB-CCHN	12/13/2016	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền
12	Cần Thu Hiền	Bác sĩ Y học cổ truyền	002663/HB-CCHN	8/13/2018	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền
13	Lương Văn Khuyến	BSCKI Nhi	002466/HB-CCHN	1/25/2017	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
14	Bản Thị Lâm	BSCKI Nhi	002470/HB-CCHN	25/01/2017	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
15	Bản Thị Thu	Cử nhân Điều dưỡng	0001068/HB-CCHN	10/29/2013	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo qui định tại
16	Lê Thị Nga	Cử nhân Điều dưỡng	0001058/HB-CCHN	10/29/2013	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo qui định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng

17	Bùi Thị Hồng Liễu	Cư nhân Điều dưỡng	0001066HB-CCHN	10/29/2013	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo qui định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
18	Phạm Thị Loan	Cư nhân Điều dưỡng	0001997HB-CCHN	1/29/2015	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo qui định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
19	Nguyễn Thị Ly	Cư nhân Điều dưỡng	0001099HB-CCHN	1/8/2021	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
20	Đinh Thanh Thủy	Cư nhân Điều dưỡng	0001084HB-CCHN	10/29/2013	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Thực hiện kỹ thuật chăm sóc người bệnh theo chuyên khoa gây mê hồi sức.

21	Nguyễn Thị Thảo	Cử nhân Điều dưỡng	0001060/HB-CCHN	10/29/2013	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo qui định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ
22	Xa Thị Công	Điều dưỡng Cao đẳng	000845/HB-CCHN	7/20/2013	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo qui định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
23	Lường Thị Lan	Cử nhân Điều dưỡng	0001070/HB-CCHN	10/29/2013	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo qui định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
24	Nguyễn Thị Hiền	Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành sản phụ khoa	0001056/HB-CCHN	10/29/2013	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo qui định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.

25	Nguyễn Thị Phương Huệ	Hộ sinh Cao đẳng	001062/HB-CCHN	1/29/2015	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo qui định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.
26	Đình Phúc Ngọc	Cử nhân sinh học	002965/HB-CCHN	24/06/2021	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Chuyên khoa xét nghiệm
27	Xa Bắc Trung	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh Y học	002431/HB-CCHN	11/17/2016	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	Kỹ thuật viên hình ảnh y học